

BẢNG KÊ THANH TOÁN

Ngày 22 tháng 07 năm 2022

Số chứng từ: 4457

TÊN ĐƠN VỊ THANH TOÁN254000000439 - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
NGỌC THƠM**THỜI HẠN HỢP ĐỒNG****PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

hóa đơn / PNK phát sinh tháng trước vào ngày 20

NGÀY ĐẾN HẠN CHUYỂN TIỀN

22/07/2022

CÔNG NỢ CÓ ĐỊNH

0

TRỊ GIÁ BÁN HÀNG

44.054.630

TRỊ GIÁ TÒN TẠI NGÀY 22/07/2022

42.118.816

SỐ TIỀN CHƯA THANH TOÁN

0

CÔNG NỢ TẠI NGÀY 22/07/2022

51.461.104

ĐỊNH MỨC TÒN

0

Stt	Theo HĐTC		Tiền hàng HĐTC	Tiền thuế HĐTC	Tiền thanh toán HĐTC	Theo PNK/XK		Tiền hàng PNK/XK	Tiền thuế PNK/XK	Tiền thanh toán PNK/XK
	Ngày	Số				Ngày	Số			
1	04/06/2022	00016466	1.094.820	87.586	1.182.406	07/06/2022	400001132206001956	1.094.820	87.586	1.182.406
2	07/06/2022	00016541	3.409.358	272.749	3.682.107	08/06/2022	400001132206001959	3.409.858	272.788	3.682.646
3	10/06/2022	00017490	1.795.750	143.660	1.939.410	13/06/2022	400001132206001960	1.795.750	143.660	1.939.410
4	11/06/2022	00017859	2.565.361	205.229	2.770.590	15/06/2022	400001132206001962	2.565.356	205.230	2.770.586
5	15/06/2022	00018099	2.478.635	198.291	2.676.926	17/06/2022	400001132206001963	2.478.635	198.291	2.676.926
6	22/06/2022	00019771	4.190.904	335.272	4.526.176	24/06/2022	400001132206004505	4.190.904	335.271	4.526.175
7	27/06/2022	00020610	1.668.508	133.481	1.801.989	27/06/2022	400001132206004724	1.668.508	133.481	1.801.989
8	01/06/2022	00015210	833.060	66.645	899.705	02/06/2022	225001332206000018	833.060	66.645	899.705
9	01/06/2022	00015211	4.484.990	358.799	4.843.789	03/06/2022	010001332206000049	4.484.990	358.799	4.843.789
10	04/06/2022	00016304	1.222.671	97.814	1.320.485	04/06/2022	263001332206000008	1.222.671	97.813	1.320.484
11	06/06/2022	00016484	1.055.435	84.435	1.139.870	08/06/2022	204001332206000117	1.055.435	84.435	1.139.870
12	08/06/2022	00016675	1.690.378	135.230	1.825.608	10/06/2022	272001332206000199	1.690.378	135.230	1.825.608
13	09/06/2022	00017345	1.473.604	117.888	1.591.492	10/06/2022	276001332206000319	1.473.604	117.888	1.591.492
14	11/06/2022	00017647	1.911.331	152.906	2.064.237	11/06/2022	260001332206000018	1.911.331	152.907	2.064.238
15	10/06/2022	00017549	473.352	37.868	511.220	13/06/2022	250001332206000020	473.352	37.868	511.220
16	11/06/2022	00017781	986.996	78.960	1.065.956	13/06/2022	220001332206000161	986.996	78.960	1.065.956
17	13/06/2022	00017925	2.722.970	217.838	2.940.808	14/06/2022	010001332206000300	2.722.970	217.838	2.940.808
18	14/06/2022	00018062	1.434.159	114.733	1.548.892	15/06/2022	203001332206000269	1.434.159	114.733	1.548.892
19	16/06/2022	00018119	926.436	74.115	1.000.551	16/06/2022	263001332206000023	926.436	74.115	1.000.551
20	15/06/2022	00018100	1.839.381	147.150	1.986.531	16/06/2022	235001332206000140	1.839.381	147.150	1.986.531
21	15/06/2022	00018094	1.506.960	120.557	1.627.517	16/06/2022	270001332206000239	1.506.960	120.558	1.627.518
22	14/06/2022	00018061	507.240	40.579	547.819	17/06/2022	225001332206000140	507.240	40.580	547.820
23	14/06/2022	00018060	1.046.969	83.758	1.130.727	19/06/2022	206001332206000274	1.046.969	83.757	1.130.726
24	18/06/2022	00018547	709.662	56.773	766.435	20/06/2022	205001332206000640	709.662	56.773	766.435
25	16/06/2022	00018134	1.672.346	133.788	1.806.134	21/06/2022	268001332206000365	1.672.346	133.788	1.806.134
26	21/06/2022	00019422	640.803	51.264	692.067	22/06/2022	003001332206001135	640.803	51.265	692.068
27	21/06/2022	00019421	1.055.050	84.404	1.139.454	22/06/2022	003001332206001136	1.055.050	84.404	1.139.454
28	22/06/2022	00019699	4.484.990	358.799	4.843.789	23/06/2022	010001332206000554	4.484.990	358.799	4.843.789
29	23/06/2022	00019880	1.319.316	105.545	1.424.861	24/06/2022	005001332206001072	1.319.316	105.545	1.424.861

Stt	Theo HĐTC		Tiền hàng HĐTC	Tiền thuế HĐTC	Tiền thanh toán HĐTC	Theo PNK/XK		Tiền hàng PNK/XK	Tiền thuế PNK/XK	Tiền thanh toán PNK/XK
	Ngày	Số				Ngày	Số			

23.Thường doanh số không điều kiện (FUJI)

Tổng DS										17.203.336
TL										2,00
Doanh số T6/22 Fuji										344.067

4.Thường thanh toán đúng hạn (FUJI)

Tổng DS										17.203.336
TL										1,50
CKTT T6/22 Fuji										258.050

18.Hỗ trợ trung bày (FUJI)

Tổng DS										18.579.603
TL										1,00
Trung bày T6/22 Fuji										185.796

11.Hỗ trợ thẻ khách hàng thân thiết (FUJI)

Tổng DS										18.579.603
TL										1,00
thẻ KHTT T6/21 Fuji										185.796

23.Thường doanh số không điều kiện

Tổng DS										30.445.831
TL										2,00
DS T6/22 brg										608.917

4.Thường thanh toán đúng hạn

Tổng DS										30.445.831
TL										1,50
CKTT T6/22 brg										456.687

18.Hỗ trợ trung bày

Tổng DS										32.881.497
TL										1,00
Trung bày T6/22 brg										328.815

11.Hỗ trợ thẻ khách hàng thân thiết

Tổng DS										32.881.497
TL										1,00
Thẻ KHTT T6/22 brg										328.815

IV - CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

2.696.943

V - TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN (V = III - IV)

48.764.157

Bảng chữ: Bốn mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi bốn nghìn, một trăm năm mươi bảy đồng chẵn

Ngày.....tháng.....năm.....

PHÒNG TCKT
KẾ TOÁN NH KẾ TOÁN TT

KIỂM SOÁT TT

TRƯỞNG BP KSTT

KTT

BAN TGD

**Nguyễn Thị Tú
Quyên**